

Số: 16/2014/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện
chế độ ưu đãi người có công với cách mạng**

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công;

Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2013/NĐ-CP).

Điều 1. Hướng dẫn Khoản 6 Điều 3 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về thực hiện chế độ trợ cấp tiền tuất hàng tháng

1. Không áp dụng trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với con của người có công trong các trường hợp sau:

a) Đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng tại một cơ sở giáo dục mà đồng thời theo học tại một cơ sở giáo dục khác hoặc học chuyên ngành khác, khoa khác, trình độ khác tại cơ sở giáo dục đó;

b) Đã hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng tại một cơ sở giáo dục mà tiếp tục theo học tại một cơ sở giáo dục khác hoặc học chuyên ngành khác, khoa khác, trình độ khác tại cơ sở giáo dục đó (kể cả học liên thông);

c) Đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng tại một cơ sở giáo dục mà thôi học hoặc bị buộc thôi học.

Trường hợp được cơ sở giáo dục đồng ý cho bảo lưu kết quả học tập thì được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng kể từ khi đi học lại để hoàn thành khóa học (không tính thời gian gián đoạn).

2. Trường hợp học theo tín chỉ thì thời gian hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng tối đa bằng thời gian của một khóa học tập trung theo quy định, căn cứ vào giấy xác nhận của cơ sở giáo dục.

Điều 2. Hướng dẫn Điều 21 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

1. Trường hợp liệt sĩ có nhiều con thì người thờ cúng liệt sĩ là một người con được những người con còn lại ủy quyền; nếu liệt sĩ chỉ có một con hoặc chỉ còn một con còn sống thì không phải lập biên bản ủy quyền.

Trường hợp con liệt sĩ có nguyện vọng giao người khác thực hiện thờ cúng liệt sĩ thì người thờ cúng là người được con liệt sĩ thống nhất ủy quyền.

Trường hợp liệt sĩ không có hoặc không còn con hoặc có một con duy nhất nhưng người con đó bị hạn chế năng lực hành vi, mất năng lực hành vi, cư trú ở nước ngoài hoặc không xác định được nơi cư trú thì người thờ cúng là người được gia đình hoặc họ tộc liệt sĩ ủy quyền.

2. Trường hợp người thờ cúng liệt sĩ chết trong năm nhưng trước thời điểm chi trả trợ cấp thì trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của năm đó được chi trả cho người thờ cúng khác được ủy quyền.

Điều 3. Hướng dẫn Điều 30 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về giám định lại thương tật

Trường hợp thương binh có nhiều vết thương đã thực hiện giám định lại do vết thương tái phát nhưng nay vết thương khác tái phát (không phải vết thương đã được giám định lại) thì được giám định lại theo quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

Điều 4. Hướng dẫn Khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về xác nhận bệnh binh

Người đã được xác nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi đối với bệnh binh thì không thuộc diện xem xét xác nhận hưởng chế độ ưu đãi theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

Điều 5. Hướng dẫn về xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội hưởng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH), bổ sung một trong các giấy tờ chứng minh thời gian tham gia hoạt động kháng chiến tại các vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học như sau:

a) Bản sao một trong các giấy tờ: Lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; hồ sơ, giấy tờ khác có giá trị pháp lý được lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000;

b) Giấy xác nhận của cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng về phiên hiệu, ký hiệu, thời gian và địa bàn hoạt động của đơn vị.

2. Trường hợp không có vợ (chồng), có vợ (chồng) nhưng không có con hoặc đã có con trước khi tham gia kháng chiến, sau khi trở về không sinh thêm con, nay đã hết tuổi lao động (nữ đủ 55 tuổi, nam đủ 60 tuổi) thì hồ sơ, thủ tục xác nhận thực hiện như sau:

a) Cá nhân lập bản khai kèm một trong các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này và Khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được bản khai, có trách nhiệm xác nhận các yếu tố trong bản khai, lập danh sách đề nghị xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học kèm giấy tờ quy định tại Điểm a Khoản này gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách người đủ điều kiện kèm giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, ra quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Các chế độ ưu đãi được hưởng kể từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định.

3. Trường hợp thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 80% trở lên mà bị mắc bệnh, tật thuộc Danh mục bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18

tháng 11 năm 2013 của liên Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH) thì được xem xét giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ thực hiện như sau:

a) Thủ tục xác nhận thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ do Sở Y tế chuyển đến, có trách nhiệm ra quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng như người suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% đối với những trường hợp được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học.

Điều 6. Hướng dẫn khoản 5 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về thực hiện trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân khi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết

1. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thuộc một trong các trường hợp sau đây chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng như thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên:

a) Người trong hồ sơ có biên bản giám định y khoa đúng theo quy định đã kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên;

b) Người đã hưởng trợ cấp hàng tháng theo mức bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 47/2012/NĐ-CP);

c) Người được điều chỉnh hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

2. Thời điểm hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

Điều 7. Hướng dẫn khoản 6 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về điều chỉnh trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng chế độ trước ngày 01 tháng 9 năm 2012

1. Trường hợp người đang hưởng trợ cấp theo mức bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP mà trong hồ sơ có biên bản giám định y khoa đúng theo quy định đã kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp sống ở gia đình được hưởng trợ cấp người phục vụ từ ngày 01 tháng 9 năm 2012;

b) Thực hiện phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

c) Giữ nguyên mức trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thực hiện điều chỉnh hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 07 năm 2013.

2. Trường hợp người đang hưởng trợ cấp theo mức bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP thuộc một trong các trường hợp sau thì giữ nguyên mức trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thực hiện điều chỉnh hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 07 năm 2013, không hưởng chế độ phụ cấp và trợ cấp người phục vụ:

a) Hồ sơ không có biên bản giám định y khoa;

b) Hồ sơ có biên bản giám định y khoa nhưng không kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động;

c) Hồ sơ có biên bản giám định y khoa không đúng theo quy định.

3. Những trường hợp được điều chỉnh trợ cấp theo quy định tại Điểm c, Khoản 6 Điều 42 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều này mà trong hồ sơ ghi nhận mắc bệnh, tật thuộc Danh mục bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH nếu có nguyện vọng thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền khám giám định, kết luận tỷ lệ suy giảm khả năng lao động để thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng theo quy định.

Trường hợp Hội đồng giám định y khoa kết luận không mắc bệnh, tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học hoặc kết luận tỷ lệ suy

giảm khả năng lao động dưới 21% thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định dừng chế độ ưu đãi.

Việc giới thiệu đi giám định theo quy định tại Khoản 3 Điều này kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Trường hợp bệnh binh, người hưởng chế độ mất sức lao động đồng thời là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã được công nhận và hưởng trợ cấp hàng tháng từ trước ngày 01 tháng 9 năm 2012 thì chuyển hưởng trợ cấp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo mức suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 8. Hướng dẫn Điều 45 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về chuyển hưởng trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012

Thực hiện chuyển hưởng trợ cấp từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học căn cứ hồ sơ được xác lập đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm lập hồ sơ, hiện lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

a) Người đang hưởng trợ cấp theo mức bị dị dạng, dị tật nặng, không tự lực được trong sinh hoạt quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP thì chuyển hưởng trợ cấp như người suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

b) Người đang hưởng trợ cấp theo mức bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt quy định tại Nghị định số 47/2012/NĐ-CP thì chuyển hưởng trợ cấp như người suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

Điều 9. Hướng dẫn Khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về xác nhận người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày

1. Ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 33 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH, bổ sung một trong các giấy tờ xác định nơi bị tù, thời gian tù như sau:

a) Bản sao một trong các giấy tờ: lý lịch quân nhân, lý lịch công an nhân dân (lập từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở về trước); hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Bản sao giấy tờ, tài liệu khác có giá trị pháp lý lập từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở về trước;

c) Xác nhận của cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.

2. Nơi bị tù để xem xét xác nhận người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đây được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Hướng dẫn Điều 67 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về việc xử lý đối với người đang hưởng chế độ ưu đãi người có công mà phạm tội

1. Người có công đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi thì không thực hiện các ưu đãi đối với người có công và thân nhân trong thời gian bị tạm đình chỉ.

Thân nhân người có công đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi thì không thực hiện các ưu đãi trong thời gian bị tạm đình chỉ.

2. Người có công đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội bị đình chỉ chế độ ưu đãi thì chấm dứt các ưu đãi đối với người có công và thân nhân.

Thân nhân người có công đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội bị đình chỉ chế độ ưu đãi thì chấm dứt các ưu đãi.

3. Trường hợp người đang hưởng chế độ ưu đãi bị kết án tù trên 05 năm mà không thuộc diện bị đình chỉ chế độ ưu đãi, đã chấp hành xong hình phạt tù trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì được khôi phục chế độ ưu đãi. Thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ ngày Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định.

4. Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu quyết định về tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc khôi phục chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân (Mẫu 1, Mẫu 2).

Điều 11. Hướng dẫn Khoản 4 Điều 80 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP về hồ sơ hoàn thiện trước ngày Nghị định có hiệu lực (ngày 01 tháng 6 năm 2013)

1. Hồ sơ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã được Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Ban Đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực

thuộc Trung ương, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ và đang chờ được ký Quyết định công nhận trước ngày 01 tháng 6 năm 2013.

2. Hồ sơ liệt sĩ đã được cấp giấy báo tử đúng theo quy định trước ngày 01 tháng 6 năm 2013.

3. Hồ sơ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đã được cấp giấy nhận bị thương đúng theo quy định trước ngày 01 tháng 6 năm 2013.

4. Hồ sơ bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã có Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trước ngày 01 tháng 6 năm 2013.

5. Hồ sơ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người có công giúp đỡ cách mạng đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, lập danh sách trước ngày 01 tháng 6 năm 2013 để ra quyết định.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết

1. Hồ sơ

a) Bản khai của đại diện thân nhân (Mẫu 3);

b) Bản sao Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý xác định người có công đã chết;

c) Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH: Khoản 2 Điều 35 đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, Khoản 2 Điều 37 đối với người có công giúp đỡ cách mạng;

d) Quyết định trợ cấp một lần (Mẫu 4).

2. Thủ tục

a) Đại diện thân nhân lập bản khai kèm biên bản ủy quyền gửi Ủy ban nhân dân cấp xã kèm bản sao một trong các giấy tờ quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách

kèm các giấy tờ quy định tại Điểm a Khoản này gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra và ra quyết định trợ cấp một lần.

Điều 13. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng

1. Trường hợp hồ sơ có một trong các giấy tờ: giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh, Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh thì thực hiện như sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi lập danh sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Người có công) kèm theo giấy báo tử hoặc Bằng “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Tổ quốc ghi ơn”;

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

2. Trường hợp hồ sơ không có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng có căn cứ xác định thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ và có các giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý ghi nhận là liệt sĩ hoặc hy sinh thì thực hiện như sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy báo tử và lập danh sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Người có công) kèm theo Giấy báo tử và các giấy tờ quy định tại Khoản này;

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

3. Trường hợp có căn cứ xác định thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ nhưng không có các căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì thực hiện như sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi lập danh sách chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian tối thiểu là 45 ngày và lập biên bản kết quả niêm yết công khai;

c) Đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều này.

4. Không thực hiện trợ cấp tiền tuất một lần khi báo tử và chi phí báo tử đối với những trường hợp được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" theo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ

1. Người đề nghị bổ sung tình hình thân nhân lập bản khai (Mẫu 5) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo bản sao một trong các giấy tờ làm căn cứ pháp lý chứng minh mối quan hệ với liệt sĩ như sau:

a) Đối với đề nghị bổ sung tình hình thân nhân là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng liệt sĩ: Sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, biên bản của gia đình hoặc họ tộc;

b) Đối với đề nghị bổ sung tình hình thân nhân là con liệt sĩ: Giấy khai sinh, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách kèm các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra và bổ sung thông tin trong hồ sơ liệt sĩ.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2014.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để xem xét giải quyết./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, NCC (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1727/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 01 tháng 10 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP VX, K16;
- Lưu: VT (08b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình